

Số: 28/2008/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 16 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành quy định về quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 06/01/1998;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 94/TTr-SNN ngày 10/7/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản Quy định về quản lý, khai thác các công trình nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế quyết định số 96/2002/QĐ-UB ngày 30/7/2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Hòa

QUY ĐỊNH
Về quản lý, khai thác các công trình
cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2008/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này hướng dẫn và áp dụng cho mọi tổ chức, đơn vị, cá nhân có hoạt động liên quan đến các chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng không phân biệt nguồn vốn đầu tư xây dựng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nước sinh hoạt: là nước dùng cho ăn uống, vệ sinh con người.

2. Nước sạch: là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng; có kết quả phân tích chất lượng nước đạt tiêu chuẩn nước sạch theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế.

3. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn: là công trình kết cấu hạ tầng nông thôn được xây dựng để cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng nông thôn, gồm :

a) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn: là công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được xây dựng nhằm cung cấp nước sinh hoạt cho nhiều hộ dân trong cụm dân cư, thôn hoặc xã; không phân biệt nguồn vốn đầu tư xây dựng, gồm có:

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung tự chảy khai thác từ nguồn nước mặt là hệ thống công trình bao gồm: cụm đầu mối bằng đập dâng nước, trạm bơm hoặc hồ chứa nước, bể lắng lọc, bể chứa, hệ thống đường ống chuyên và phân phối nước, bể cất áp, bể van điều tiết, van xả khí, van xả cạn, trụ vòi, vòi nước và các hạng mục công trình có liên quan khác;

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung khai thác từ nguồn nước ngầm là hệ thống công trình bao gồm: giếng khoan, máy bơm, bồn chứa nước và hệ thống đường ống chuyên và phân phối nước, bể cất áp, bể van điều tiết, van xả khí, van xả cạn, trụ vòi, vòi nước và các hạng mục công trình có liên quan khác;

b) Công trình cấp nước nhỏ lẻ: là gồm có giếng khoan tay, giếng đào, bể chứa nước mưa được xây dựng cho 1 hộ hay 1 nhóm hộ dùng nước.

4. Đơn vị quản lý khai thác: là tổ chức, đơn vị do địa phương hoặc do chủ đầu tư xây dựng công trình thành lập để thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn.

5. Hộ dùng nước: là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước từ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

a) Hộ dùng nước không kinh doanh: là hộ dùng nước chỉ dùng cho ăn uống, vệ sinh con người.

b) Hộ dùng nước kinh doanh: là hộ dùng nước ngoài việc dùng cho ăn uống, vệ sinh con người còn sử dụng nước sinh hoạt để sản xuất, chăn nuôi hoặc phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác tạo ra doanh thu.

6. Tiền nước: là khoản tiền mà hộ dùng nước phải trả cho đơn vị quản lý khai thác khi sử dụng nước từ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Điều 3. Phân cấp quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn

1. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn do cấp tỉnh quản lý, khai thác: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Lâm Đồng được UBND tỉnh giao quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn sau:

a) Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đầu tư xây dựng bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước; đưa vào sử dụng từ năm 2006 trở về trước đã được UBND tỉnh giao quản lý khai thác.

b) Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư xây dựng từ năm 2007 trở đi.

2. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn do UBND các huyện, thị xã Bảo lộc, thành phố Đà Lạt (sau đây gọi chung là cấp huyện) quản lý, khai thác: UBND cấp huyện thành lập đơn vị quản lý khai thác hoặc giao nhiệm vụ cho đơn vị trực thuộc hoặc giao UBND cấp xã tổ chức quản lý khai thác đối với các công trình do UBND cấp huyện được giao làm chủ đầu tư và những công trình chưa giao cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Lâm Đồng hoặc các tổ chức, cá nhân khác quản lý khai thác.

3. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xây dựng bằng vốn của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó quản lý khai thác và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

4. Hoạt động quản lý khai thác các công trình thuộc khoản 1 Điều này là hoạt động sự nghiệp của cấp tỉnh.

5. Hoạt động quản lý khai thác các công trình thuộc khoản 2 Điều này là hoạt động sự nghiệp của cấp huyện.

Điều 4. Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn

Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 2 khi xây dựng từ mọi nguồn vốn đều phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước, các quy định pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế mới và vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Chương II

QUẢN LÝ KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN

Điều 6. Tổ chức quản lý khai thác công trình

Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đầu tư xây dựng bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, khi hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải thành lập đơn vị quản lý khai thác hoặc bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác theo phân cấp tại Điều 3 bản Quy định này để tổ chức quản lý khai thác công trình đạt hiệu quả.

Điều 7. Nhiệm vụ quản lý khai thác công trình

Các đơn vị quản lý khai thác có trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác công trình đúng quy trình, đảm bảo phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt cho nhân dân trong khu vực hưởng lợi theo năng lực nhiệm vụ công trình. Thường xuyên kiểm tra, ghi chép nhật ký quản lý công trình; kịp thời phát hiện, xử lý các sự cố; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình trong quá trình sử dụng.

Điều 8. Quản lý vận hành, bảo dưỡng công trình

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Lâm Đồng có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn về quản lý vận hành công trình cho các đơn vị quản lý khai thác trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mẫu, sổ tay quản lý vận hành bảo dưỡng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Điều 9. Trách nhiệm và nghĩa vụ của hộ dùng nước

Hộ dùng nước phải ký kết hợp đồng sử dụng nước với đơn vị quản lý khai thác và nộp tiền nước đầy đủ theo mức thu quy định tại Điều 12 bản Quy định này.

Điều 10. Miễn, giảm nộp tiền nước

1. Đối tượng được giảm tiền sử dụng nước: hộ gia đình thuộc diện nghèo (là các hộ có Sổ nghèo).

2. Mức giảm tiền sử dụng nước phải được thỏa thuận giữa đơn vị quản lý khai thác, chính quyền địa phương nơi có công trình và người sử dụng nước nhưng tỷ lệ giảm không vượt quá 50% đơn giá nước quy định tại Điều 12 bản Quy định này.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hiến đất tại nơi xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được miễn, giảm tiền sử dụng nước (miễn hoặc giảm thực hiện theo thoả thuận của chủ đầu tư xây dựng công trình với hộ dùng nước) hoặc được tham gia quản lý khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tại khu vực.

Điều 11. Thu và sử dụng tiền nước

1. Đơn vị quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có trách nhiệm quản lý vận hành công trình và thu tiền nước từ các hộ dùng nước để phục vụ cho công tác duy tu, sửa chữa và quản lý công trình. Việc thu nộp tiền nước thực hiện theo Điều 17 bản Quy định này.

2. Tiền nước thu được dùng để chi cho các nội dung sau :

- a) Công tác quản lý, vận hành công trình.
- b) Sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên công trình.
- c) Công tác khen thưởng trong quản lý khai thác công trình.

Điều 12. Mức thu tiền nước

1. Đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đã lắp đặt đồng hồ đo nước tới các hộ dùng nước. Mức thu tính theo mét khối (m^3) nước sử dụng:

a) Nước sử dụng từ công trình là nước được xử lý lắng lọc đơn giản: đơn giá 500 đồng/ m^3 .

b) Nước sử dụng từ công trình là nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch: đơn giá không vượt quá 2.500 đồng/ m^3 . Giá cụ thể tùy theo công trình và thỏa thuận giữa đơn vị quản lý khai thác với hộ dùng nước.

2. Đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn chưa lắp đặt đồng hồ đo nước tới các hộ dùng nước: Mức thu tiền sử dụng nước theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng sử dụng nước giữa hộ dùng nước và đơn vị quản lý khai thác nhưng tối đa không vượt quá mức thu như sau:

a) Nước sử dụng từ công trình là nước được xử lý lắng lọc đơn giản:

- Đối với hộ dùng nước không kinh doanh: 5.000 đồng/hộ/tháng (tương đương với 10 m^3 /hộ/tháng);

- Đối với hộ dùng nước kinh doanh: 10.000 đồng/hộ/tháng (tương đương với 20 m^3 /hộ/tháng);

- Đối với các đơn vị, cơ quan Nhà nước: 20.000 đồng/đơn vị/tháng (tương đương với 40 m^3 /đơn vị/tháng).

b) Nước sử dụng từ công trình là nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch:

- Đối với hộ dùng nước không kinh doanh: 25.000 đồng/hộ/tháng (tương đương với 10 m^3 /hộ/tháng).

- Đối với hộ dùng nước kinh doanh: 50.000 đồng/hộ/tháng (tương đương với 20 m^3 /hộ/tháng).

- Đối với các đơn vị, cơ quan Nhà nước: 100.000 đồng/đơn vị/tháng (tương đương với 40 m^3 /đơn vị/tháng).

3. Khi giá cả trượt giá từ 20% trở lên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với Sở Tài chính Lâm đồng đề xuất UBND tỉnh quy định lại giá nước mới.

Điều 13. Hỗ trợ kinh phí quản lý khai thác

1. Đơn vị quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đầu tư xây dựng bằng ngân sách hoặc có nguồn gốc từ ngân sách được Nhà nước hỗ trợ hoặc tài chính cấp trong các trường hợp sau:

a) Công trình bị hư hỏng do thiên tai lũ lụt gây ra.

b) Sửa chữa lớn, nâng cấp công trình.

c) Cấp bù một phần kinh phí cho công tác quản lý khai thác trong trường hợp thu tiền nước không đủ chi.

d) Hỗ trợ cho công tác quản lý khai thác đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tại xã đặc biệt khó khăn và các thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực II.

2. Kinh phí hỗ trợ và cấp bù cho công tác quản lý khai thác được cấp từ nguồn ngân sách sự nghiệp kinh tế tỉnh hoặc huyện.

a) Ngân sách sự nghiệp kinh tế của tỉnh cấp bù cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Lâm Đồng đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn do cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách sự nghiệp kinh tế của huyện cấp bù cho tổ chức hay đơn vị quản lý khai thác đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn do UBND cấp huyện, xã quản lý.

Điều 14. Chế độ phụ cấp cho người quản lý khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn

1. Đối với công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tại các xã đặc biệt khó khăn và các thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực II: Mức hỗ trợ cho 1 người quản lý, bảo vệ hàng tháng bằng hệ số 1,0 mức lương tối thiểu theo quy định hiện hành; số người được hỗ trợ thực hiện theo Điều 15 Quy định này.

2. Đối với công trình nằm trên các địa bàn không thuộc khoản 1 Điều này thì lương cho người quản lý, bảo vệ các công trình này do đơn vị quản lý khai thác thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và được chi trả từ khoản thu tiền nước. Trong trường hợp thu không đủ chi (quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 13) thì mức cấp bù của ngân sách Nhà nước không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Quy định về số người quản lý khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được Nhà nước hỗ trợ hoặc cấp bù

1. Đối với công trình nằm trên các địa bàn thuộc khoản 1 Điều 14, số người quản lý khai thác, bảo vệ được Nhà nước hỗ trợ quy định như sau:

a) Công trình phục vụ cấp nước sinh hoạt cho dưới 100 hộ hoặc dưới 500 người: 01 (một) người quản lý khai thác, bảo vệ.

b) Công trình phục vụ cấp nước sinh hoạt cho từ 100 hộ đến dưới 200 hộ hoặc từ 500 người đến dưới 1.000 người: không quá 02 (hai) người quản lý khai thác, bảo vệ.

c) Công trình phục vụ cấp nước sinh hoạt cho từ 200 hộ đến dưới 500 hộ hoặc từ 1.000 người đến dưới 2.500 người: không quá 03 (ba) người quản lý khai thác, bảo vệ.

d) Công trình phục vụ cấp nước sinh hoạt cho trên 500 hộ hoặc trên 2.500 người: không quá 04 (bốn) người quản lý khai thác, bảo vệ.

e) Khi bố trí số người quản lý khai thác, bảo vệ từ hai người trở lên phải cử một người phụ trách theo quy định.

2. Đối với công trình nằm trên các địa bàn không thuộc khoản 1 Điều 14 thì tùy theo tình hình, đặc điểm, quy mô của từng công trình; đơn vị quản lý khai thác bố trí số người hợp lý bảo đảm quản lý có hiệu quả. Trong trường hợp thu không đủ chi (quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 13) thì số người được ngân sách Nhà nước cấp bù không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều này

Điều 16. Lập và thẩm định, phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền nước

Hàng năm đơn vị quản lý khai thác phải lập kế hoạch thu, chi tiền nước, kế hoạch duy tu, sửa chữa thường xuyên, kế hoạch kinh phí xin cấp bù (nếu có).

1. Đối với các công trình do đơn vị quản lý khai thác cấp tỉnh quản lý thì gửi kế hoạch về Sở Tài chính để chủ trì cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với các công trình do đơn vị quản lý khai thác cấp huyện quản lý thì gửi về Phòng Tài chính để chủ trì cùng Phòng Nông nghiệp thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Điều 17. Thu nộp, quản lý sử dụng tiền nước

Tiền nước thu được đơn vị quản lý khai thác không phải nộp vào ngân sách mà được để lại để cân đối chi theo kế hoạch. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng tiền nước cho công tác quản lý khai thác theo quy định.

Chương III

BẢO VỆ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN

Điều 18. Tổ chức bảo vệ công trình

Đơn vị quản lý khai thác trên cơ sở hồ sơ thiết kế kỹ thuật và đặc điểm của từng hệ thống công trình, lập phương án bảo vệ công trình, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Điều 19. Thực hiện bảo vệ công trình đối với chính quyền địa phương

UBND xã, phường, thị trấn nơi có công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý khai thác thực hiện công tác bảo vệ công trình hoặc tổ chức thực hiện phương án quản lý bảo vệ đã được phê duyệt trong trường hợp được UBND cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý bảo vệ công trình theo khoản 2 Điều 3 bản Quy định này.

Điều 20. Quy định trách nhiệm bảo vệ công trình

1. Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và các hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi từ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ công trình.

a) Khi công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố thì mọi người phải tham gia ứng cứu, sửa chữa, bảo vệ công trình theo sự huy động của đơn vị quản lý khai thác và chính quyền sở tại.

b) Khi phát hiện công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại thì người phát hiện có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục nếu có thể thực hiện được và báo ngay cho đơn vị quản lý khai thác công trình và chính quyền sở tại để kịp thời xử lý.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm đục, phá đường ống dẫn nước để lấy nước khi chưa có sự chấp thuận của đơn vị quản lý khai thác.

Điều 21. Quy định phạm vi bảo vệ công trình

1. Đối với hệ thống cấp nước tự chảy :

a) Phạm vi bảo vệ cụm công trình đầu mối được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Phạm vi bảo vệ bể lọc, trạm xử lý nước, bể chứa, giếng khoan, đài nước là khu vực nằm trong hàng rào được thiết kế, xây dựng.

c) Phạm vi bảo vệ hệ thống đường ống được quy định dọc theo tuyến được cắm mốc bê tông để báo hiệu nơi có tuyến đường ống đi qua và cách mỗi bên đường ống là 0,5m.

2. Phạm vi bảo vệ đối với giếng khoan máy: là trong hàng rào khu vực giếng khoan.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN

Điều 22. Nhiệm vụ của cấp sở chuyên ngành

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật, xây dựng, bảo vệ, quản lý khai thác, sử dụng, phát triển các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Nhiệm vụ của UBND cấp huyện

UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn, có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên môn thuộc phòng chức năng để theo dõi công tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và cấp nước sinh hoạt nông thôn tại địa phương.

Điều 24. Nhiệm vụ của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn là đơn vị sự nghiệp được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư và quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn thuộc cấp tỉnh quản lý; có trách nhiệm tiếp nhận các nguồn vốn và nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; quản lý nguồn kinh phí thu, chi của các công trình được giao quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phải thực hiện theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Khen thưởng, xử phạt

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn sẽ được khen thưởng theo quy định. Người có hành vi vi phạm làm tổn hại đến các công trình này, tùy theo mức độ gây thiệt hại sẽ bị xử lý theo pháp luật./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa